

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **681/QĐ-UBND**

An Giang, ngày 29 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đơn giá hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ
theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn giá hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ đơn giá theo phụ lục kèm theo Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch thực hiện giai đoạn 2018 - 2020 và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt đơn giá hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Chánh VP. UBND tỉnh;
- Lưu: HCTC, P. KTTH, KTN.
(kèm theo phụ lục)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Quang Thi

PHỤ LỤC

**Đơn giá hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo
Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ
(kèm theo Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)**

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/đơn vị tính)	Ghi chú
I	Gieo tinh nhân tạo gia súc			
1	Tinh heo	liều tinh		
-	Tinh heo bố mẹ (thương phẩm)	liều tinh	50.000	
-	Tinh heo ông bà (giống)	liều tinh	80.000	
2	Tinh bò			
-	Tinh bò Angus	liều tinh	49.000	
-	Tinh bò Brahman	liều tinh	32.000	
-	Tinh bò Droughtmaster	liều tinh	32.000	
-	Tinh bò sữa	liều tinh	30.000	
-	Tinh trâu	liều tinh	32.000	
3	Vật tư gieo tinh			
-	Găng tay 5 ngón	cái	1.200	
-	Dẫn tinh quán	cái	1.700	
-	Ni tơ lòng	lít	20.000	
II	Con giống			
1	Trâu đực giống			
-	Trọng lượng trên 200 - 250kg (200kg đầu giá 140.000 đồng/kg, mỗi ký tăng thêm giá 110.000 đồng/kg)	con	33.500.000	Hỗ trợ 50% giá trị con giống nhưng không quá 25.000.000 đồng/con (theo Quyết định số 2605/QĐ-UBND)
-	Trọng lượng 250kg (đơn giá 135.000 đồng/kg)	con	33.750.000	
-	Trọng lượng trên 250 - 300kg (250kg đầu giá 135.000 đồng/kg, mỗi ký tăng thêm giá 75.000 đồng/kg)	con	37.500.000	
-	Trọng lượng trên 300kg	con	50.000.000	
2	Bò đực giống			
-	<i>Bò đực giống thuần (Brahman, Droughtmaster, Red Angus, lai Charolaise)</i>			Hỗ trợ 50% giá trị con giống nhưng không quá 20.000.000 đồng/con (theo Quyết định số 2605/QĐ-UBND)
+	Trọng lượng trên 200 - 250kg (200kg đầu giá 140.000 đồng/kg, mỗi ký tăng thêm giá 110.000 đồng/kg)	con	33.500.000	
+	Trọng lượng 250kg (đơn giá 135.000 đồng/kg)	con	33.750.000	
+	Trọng lượng trên 250 - 300kg (250kg đầu giá 135.000 đồng/kg, mỗi ký tăng thêm giá 75.000 đồng/kg)	con	37.500.000	
+	Trọng lượng trên 300kg	con	40.000.000	
-	<i>Bò đực giống lai (Brahman, Droughtmaster, Red Angus)</i>			
+	Trọng lượng trên 200 - 250kg (200kg đầu giá 130.000 đồng/kg, mỗi ký tăng thêm giá 105.000 đồng/kg)	con	31.250.000	

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng/đơn vị tính)	Ghi chú
+	Trọng lượng trên 250 - 300kg (250kg đầu giá 125.000 đồng/kg, mỗi ký tăng thêm giá 70.000 đồng/kg)	con	34.750.000	
+	Trọng lượng trên 300kg	con	40.000.000	
3	Heo đực giống (80 - 100 kg)	con	7.000.000	Hỗ trợ 50% giá trị con giống nhưng không quá 5.000.000 đồng/con (theo Quyết định số 2605/QĐ-UBND)
4	Vịt giống bố mẹ			
-	Vịt siêu thịt bố mẹ 8 tuần tuổi	con	153.150	Hỗ trợ 50% giá trị con giống nhưng không quá 50.000 đồng/con (theo Quyết định số 2605/QĐ-UBND)
-	Vịt giống bố mẹ chuyên trứng 8 tuần tuổi	con	97.420	
5	Gà giống bố mẹ			
-	Gà Lương Phượng bố mẹ 8 tuần tuổi	con	73.500	
-	Gà ta lai bố mẹ 8 tuần tuổi	con	73.500	
III Xử lý chất thải chăn nuôi				
1	Khí sinh học			
-	Biogas composite đường kính 1,9m	Công trình	9.200.000	
-	Biogas composite đường kính 2,25m	Công trình	11.500.000	Hỗ trợ tối đa không quá 5.000.000 đồng/công trình/hộ
-	Biogas composite đường kính 2,4m	Công trình	13.500.000	
-	Biogas KT2 thể tích $\geq 6m^3$	Công trình	9.957.600	
2	Đệm lót sinh học			
-	Đối với gia súc	m ²	160.000	Hỗ trợ tối đa không quá 5.000.000 đồng/công trình/hộ
-	Đối với gia cầm	m ²	80.000	
IV	Đào tạo, tập huấn kỹ thuật GTNT	người	7.000.000	Hỗ trợ tối đa không quá 6.000.000 đồng/người
V	Bình chứa ni tơ lỏng trừ tinh bò (loại bình 3 lít, Trung Quốc)	bình	5.800.000	Hỗ trợ tối đa không quá 5.000.000 đồng/bình/người